

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 97/2023/DS-PT
Ngày 20-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tòng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương
Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Phần - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 415/2022/TLPT-DS ngày 30/11/2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 463/2023/QĐ-PT ngày 23/02/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Võ Trí N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp V, xã Q, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đinh Thị Bé M - Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị N1, sinh năm 1960

Địa chỉ: Ấp V, xã Q, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn anh Võ Trí N, bị đơn bà Lê Thị N1.

4. *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Võ Trí N trình bày:

Do quen biết nên giữa anh và bà Lê Thị N1 nhiều lần cho vay mượn tài sản và mua bán, thế chấp quyền sử dụng đất, cụ thể anh nhận chuyển nhượng của bà

N1 2.000m² đất thuộc một phần thửa 154, tờ bản đồ số 12, thực tế anh đang quản lý đất nhưng chưa đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì giấy chứng nhận bà N1 đã thế chấp ngân hàng.

Ngày 19/5/2021, bà N1 tiếp tục vay của anh 40 chỉ vàng 24k SJC, bà có viết giấy tay và ký nhận. Cùng với việc vay 40 chỉ vàng 24k SJC bà N1 thế chấp cho anh 1.000m² thuộc một phần thửa 154, tờ bản đồ số 12 còn lại nhưng không làm thủ tục thế chấp và anh cũng không giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì bà N1 đã thế chấp ngân hàng. Thời hạn vay là 06 tháng, mức lãi suất 06 tháng là 05 chỉ vàng 24k SJC. Nếu đến ngày 12/01/2022 bà N1 không trả lại anh 40 chỉ vàng 24k SJC thì bà N1 phải chuyển nhượng cho anh 1.000m² thuộc một phần thửa 154, tờ bản đồ số 12 tương đương 40 chỉ vàng 24k SJC hoặc bồi thường hợp đồng gấp đôi. Hết hạn hợp đồng, anh có yêu cầu bà N1 trả vốn và lãi suất 45 chỉ vàng 24k SJC hoặc chuyển nhượng cho anh 1.000m² thuộc một phần thửa 154 tờ bản đồ số 12 nhưng bà N1 không thực hiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà N1 trả lại anh số vốn vàng là 40 chỉ vàng 24k SJC và bồi thường hợp đồng gấp đôi 40 chỉ vàng 24k SJC, tổng cộng là 80 chỉ vàng 24k SJC.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Lê Thị N1 trình bày:

Trước đây bà có chuyển nhượng cho anh N 2.000m² đất thuộc một phần thửa 154, tờ bản đồ số 12. Anh N đang quản lý đất nhưng chưa đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì sổ anh N cho bà mượn để thế chấp ngân hàng vay 300.000.000 đồng đến nay chưa mãn hợp đồng.

Đến ngày 19/05/2021, do khó khăn nên bà tiếp tục hỏi mượn anh N 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) nhận tiền 02 lần, lần đầu nhận 20.000.000 đồng, lần sau nhận 10.000.000 đồng và bà thế chấp cho anh N 500m² đất thuộc một phần thửa 154, tờ bản đồ số 12 còn lại nhưng không giao sổ vì sổ đỏ đang thế chấp ngân hàng. Bà thừa nhận trong tờ thế chấp ngày 19/05/2021 chữ viết “Lê Thị N1”, chữ ký “N1” và dấu vân tay dưới mục “kí tên” là của bà viết và kí, dấu lấn tay cũng là của bà. Bà không rành chữ nên nội dung trong tờ thế chấp ngày 19/05/2021 do anh N viết sẵn kêu bà ký tên thì bà ký nhưng nội dung bà không biết. Bà chỉ thừa nhận có vay của anh N 30.000.000 đồng, bà không có nhận của anh N 40 chỉ vàng 24k SJC như anh N trình bày. Bà nghĩ ký giấy ngày 19/05/2021 là ký giấy nợ 30.000.000 đồng vì số tiền này bà mượn anh N 02 lần, lần sau cùng ký giấy nợ.

Qua yêu cầu của anh N bà đồng ý trả cho anh N số tiền là 30.000.000 đồng, không đồng ý trả 80 chỉ vàng 24k SJC.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện B đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện B đã áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, 147, 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 418, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Trí N đối với bà Lê Thị N1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bà Lê Thị N1 phải có nghĩa vụ trả cho anh Võ Trí N số vàng 80 (Tám mươi) chỉ vàng 24k SJC, trong đó vàng gốc là 40 chỉ vàng 24k SJC, vàng thỏa thuận phạt vi phạm là 40 chỉ vàng 24k SJC.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Trí N đối với bà Lê Thị N1 về việc yêu cầu trả lãi suất vàng và lãi phạt vi phạm là 10 (Mười) chỉ vàng 24k SJC.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/10/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, nội dung đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Võ Trí N, buộc bà Lê Thị N1 có trách nhiệm trả lại 40 chỉ vàng 24k SJC đã vay. Tuyên bố hợp đồng vay vàng ngày 19/5/2021 vô hiệu một phần đối với nội dung phạt vi phạm hợp đồng đền gấp đôi số vàng do trái quy định pháp luật dân sự về hợp đồng vay tài sản.

Ngày 30/9/2022, bị đơn bà Lê Thị N1 kháng cáo bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 14/10/2022, nguyên đơn anh Võ Trí N kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc bà N1 có nghĩa vụ trả cho anh 90 chỉ vàng 24k SJC, trong đó vàng gốc là 40 chỉ, vàng thỏa thuận phạt vi phạm là 45 chỉ, lãi suất là 05 chỉ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và thay đổi nội dung kháng cáo. Anh N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh trình bày: Nguyên đơn xin rút lại yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng 40 chỉ vàng 24K SJC, đồng thời yêu cầu quy đổi số vàng vay 40 chỉ thành số tiền 260.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 19/5/2021 đến ngày xét xử phúc thẩm là 23 tháng với mức lãi suất 1,67%/tháng. Tổng số tiền vốn và lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 359.866.000 đồng.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bà N1 trình bày: Bà chỉ có vay số tiền 30.000.000 đồng, không có vay vàng như nguyên đơn trình bày nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Do nguyên đơn có yêu cầu xin rút lại phần phạt vi phạm hợp đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với phần này. Đối với phần yêu cầu quy đổi 40 chỉ vàng thành số tiền 260.000.000 đồng và tính lãi với mức 1,67%/tháng với thời gian 23 tháng của

nguyên đơn là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của anh Võ Trí N; không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị N1; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B; sửa Bản án sơ thẩm số: 86/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 40 chỉ vàng 24K SJC được quy đổi thành 260.000.000 đồng và buộc bị đơn trả lãi với số tiền 99.866.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của anh Võ Trí N, bà Lê Thị N1; xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét tờ thể chấp ngày 19/05/2021, trong quá trình tố tụng bà N1 thừa nhận chữ viết “Lê Thị N1”, chữ ký “N1” và dấu vân tay dưới mục “kí tên” là của bà viết, ký và lấn tay nên đây tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bà N1 cho rằng bà bị lừa dối, bà nghĩ ký tên tờ thể chấp ngày 19/05/2021 là giấy ký nhận nợ 30.000.000 đồng nhưng vấn đề này không được nguyên đơn thừa nhận, bà cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh nên không có cơ sở để xem xét. Do đó, có cơ sở xác định giữa anh N và bà N1 có quan hệ vay vàng 40 chỉ 24k SJC. Kháng cáo của bà N1 cho rằng bà không có vay vàng là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung phạt vi phạm hợp đồng là 40 chỉ vàng 24k SJC, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên được Hội đồng xét xử ghi nhận, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi vàng:

Đối với giao dịch vàng, năm 1992 Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ra quyết định công bố mức lãi suất cho vay đối với vàng tối đa là 7%/năm. Tuy nhiên, từ năm 2000 Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã hủy bỏ quyết định năm 1992, từ đó đến nay không có văn bản nào quy định về mức lãi suất cho vay vàng. Thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của tổ chức tín dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2011. Căn cứ các quy định nêu trên thì hiện nay pháp luật chỉ quy định về lãi suất đối với đối tượng vay là tiền, không có quy định về lãi suất khi đối tượng cho vay là vật (vàng). Như vậy, việc các bên thỏa thuận lãi suất khi cho vay vàng là không phù hợp với quy định pháp luật, do đó thỏa thuận lãi suất giữa các bên là vô hiệu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần nội dung kháng cáo, đề nghị quy đổi 40 chỉ vàng 24K SJC thành 260.000.000 đồng và tính lãi trên số tiền này từ ngày 19/5/2021 đến ngày xét xử phúc thẩm là 23 tháng với mức lãi suất 1,67%/tháng. Tuy nhiên, giữa các bên không có sự thỏa thuận về việc quy đổi vàng

thành tiền, đồng thời sự quy đổi để làm căn cứ tính lãi nêu trên cũng không phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch vàng. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn đối với nội dung này là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với 40 chỉ vàng 24K SJC là có căn cứ, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận. Do nguyên đơn rút yêu cầu đối với phần phạt vi phạm hợp đồng nên hủy một phần bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này. Đối với kháng cáo yêu cầu quy đổi vàng thành tiền và tính lãi của nguyên đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[5] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Võ Trí N phải chịu án phí. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà N1 phải chịu án phí. Tuy nhiên, bà N1 là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 299, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Võ Trí N;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị N1;

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B;

Sửa Bản án sơ thẩm số: 86/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, 147, 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 418, 463, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết yêu cầu của anh Võ Trí N đối với bà Lê Thị N1 về việc phạt vi phạm hợp đồng 40 chỉ vàng 24k SJC.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Võ Trí N đối với bà Lê Thị N1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Lê Thị N1 phải có nghĩa vụ trả cho anh Võ Trí N 40 (Bốn mươi) chỉ vàng 24k SJC.

[3] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Võ Trí N đối với bà Lê Thị N1 về việc yêu cầu trả lãi suất vàng và lãi phạt vi phạm là 10 (Mười) chỉ vàng 24k

SJC.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị N1 được miễn.

Hoàn trả cho anh Võ Trí N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.000.000 (Mười một triệu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006134 ngày 05/05/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

[4.2] Án phí phúc thẩm:

Bà Lê Thị N1 được miễn.

Buộc anh Võ Trí N phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010207 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tòng